

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2021/DS-PT

Ngày 21-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2021/TLPT-DS ngày 18/10/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 212/2021/DS-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 12, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Huy B, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 02/43, khu phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/10/2020).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 10, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Tiến Thiên T, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ale.5.06, Nhà ở xã hội, khu dân cư V, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số 539, đại lộ B, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/11/2021).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn H2, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 6, khu

phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 06/01/2013, bà Nguyễn Thị Bích H cho bà Nguyễn Thị H1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Bà H1 thế chấp cho bà Bích H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH584163, số vào sổ H01704 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/4/2007 cho bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị L cùng đứng tên. Bà H1 tự viết “Giấy mượn tiền”, ký tên, lăn tay giao cho bà Bích H giữ. Việc vay mượn tiền còn có ông Nguyễn H2 là người làm chứng cùng ký tên vào “Giấy mượn tiền”.

Ngày 05/7/2014, bà H1 có trả cho bà Bích H 180.000.000 đồng. Đồng thời, bà H1 viết “Giấy cam kết” xác nhận số tiền còn nợ là 320.000.000 đồng. Do bà L đã chết nên bà H1 mượn lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhượng đất. Bà H1 cam kết sau khi chuyển nhượng đất, bà H1 sẽ trả ngay cho bà Bích H 220.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại sẽ trả dần cho đến khi hết nợ. Sau khi bà H1 viết “Giấy cam kết”, ký tên và giao cho bà Bích H giữ, bà Bích H đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H1.

Năm 2016, bà H1 chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn S, ngày 15/7/2016, ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Bích H đúng như cam kết mà cố tình né tránh.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H1 phải trả cho bà Bích H số tiền 320.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 06/01/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tạm tính là 84 tháng với số tiền: $84 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 320.000.000 \text{ đồng} = 200.160.000 \text{ đồng}$.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị Minh H3, bà H3 có nhờ bị đơn bà H1 đứng ra bảo lãnh cho bà H3 vay tiền. Thông qua sự giới thiệu của ông Nguyễn H2, năm 2012, bà H3 có vay của nguyên đơn bà Bích H số tiền 200.000.000 đồng. Tại nhà bà H1, bà Bích H cho bà H3 vay 200.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ đưa cho bà H3 180.000.000 đồng, còn trừ lại 20.000.000 đồng tiền lãi. Bà Bích H viết giấy vay tiền, bà H1 và bà H3 có ký tên vào giấy này nhưng giấy vay tiền này bà Bích H giữ. Nội dung cụ thể của giấy vay tiền này như thế nào, thời hạn vay bao lâu bà H1 không nhớ. Hàng tháng bà H3 đưa tiền lãi cho bà H1 trả cho bà Bích H.

Sau đó, bà H3 tiếp tục vay của bà Bích H số tiền là 300.000.000 đồng. Bà H3 nhờ bà H1 đến nhà bà Bích H lấy tiền. Ngày 06/01/2013, tại nhà bà Bích H, bà Bích H chỉ giao cho bà H1 số tiền là 250.000.000 đồng, trừ trước số tiền lãi 50.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền có sự chứng kiến của ông Nguyễn H2. Bà H1 là người viết “Giấy mượn tiền ngày 06/01/2013” và ký tên xác nhận, ông H2 cũng ký tên người làm chứng. Nội dung giấy mượn tiền ghi số tiền vay là 500.000.000 đồng là gộp chung số tiền 200.000.000 đồng vay lần trước. Bà H1 có giao cho bà Bích H giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H1 để làm tin. Sau đó, bà H1 đã giao lại số tiền 250.000.000 đồng cho bà H3.

Khoảng năm 2012-2013, bà L chết nên các con của bà L yêu cầu bà H1 trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhượng. Ngày 05/7/2014, bà H1 lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Bích H và tự nguyện trả cho bà Bích H số tiền là 180.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bà Bích H, bà H1 viết giấy cam kết ngày 05/7/2014 với nội dung xác nhận còn nợ bà Bích H số tiền 320.000.000 đồng, bà Bích H cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng được đất sẽ trả số tiền 220.000.000 đồng, còn lại bao nhiêu tiền thì sẽ trả dần.

Bà H1 thừa nhận mình là người viết, ký tên trong “Giấy mượn tiền ngày 06/01/2013” và “Giấy cam kết ngày 05/7/2014”. Tuy nhiên, số tiền vay là do bà H3 nhận, bà H1 không có lợi ích gì trong việc vay tiền này nhưng đã tự trả cho bà Bích H số tiền 180.000.000 đồng. Bà H1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H1 thanh toán cho nguyên đơn bà Bích H số tiền là 320.000.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số tiền này kể từ ngày bà H1 chuyển nhượng đất cho ông S và ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 15/7/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm: $320.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 58 \text{ tháng} = 139.200.000 \text{ đồng}$, tổng cộng 459.200.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 357, 401, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H tổng số tiền 459.200.000 đồng (bốn trăm năm mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), bao gồm: Nợ gốc 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán 139.200.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, tiền lãi suất chậm trả, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 13/7/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, do việc Tòa án lấy lời khai tại nhà bà H1 không có người làm chứng, chính quyền địa phương đi cùng xác nhận, vi phạm quy định tại Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự; không gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định xét xử cho bà H1, bà H1 chưa từng làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt phiên tòa xét xử vụ án nhưng bản án lại khẳng định bà H1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt; không đưa bà Nguyễn Thị Minh H3 tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-DS ngày 25/6/2021 kháng nghị đối với bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng thời hiệu khởi kiện, nguyên đơn chỉ được quyền khởi kiện đòi lại số tiền nợ gốc 320.000.000 đồng, việc buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, là chưa phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà H1 thừa nhận có nợ của bà Bích H số tiền 320.000.000 đồng và cam kết sau khi chuyển nhượng đất sẽ trả ngay cho bà Bích H số tiền 220.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại sẽ trả dần cho đến khi hết nợ. Năm 2016, bà H1 chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn S, ngày 15/7/2016, ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Bích H. Thời hiệu khởi kiện được tính là 03 năm kể từ khi biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Do đó, xác định ngày 15/7/2016 là thời điểm bà Bích H biết bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng đến ngày 23/9/2020 bà H1 mới có đơn khởi kiện. Như vậy, thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay không còn, chỉ có thể khởi kiện để đòi tiền gốc nhưng Tòa sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi và gốc là không

phù hợp. Về việc bị đơn cho rằng Tòa cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ bởi bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có biên bản giao các văn bản tố tụng cho bà H1. Kháng cáo của bị đơn chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Huy Bình đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Ngày 17/11/2020, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bích H, ngày 23/11/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn bà H1, hình thức tổng đạt trực tiếp (bút lục số 22).

Ngày 05/01/2021, Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai tại nhà của bị đơn bà H1, việc lấy lời khai có đại diện khu phố 4 chứng kiến và xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M (bút lục số 27 – 29), việc lấy lời khai của bị đơn bà H1 là phù hợp quy định tại Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, ngày 05/01/2021, bị đơn bà H1 có đơn yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử vụ án (bút lục số 31).

Ngày 22/4/2021, Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo yêu cầu cung cấp thông tin của bà Nguyễn Thị Minh H3, ngày 23/4/2021, bị đơn bà H1 nhận thông báo này và ngày 29/4/2021, bị đơn bà H1 có đơn trình bày ý kiến không biết địa chỉ cụ thể của bà H3 ở đâu, không có thông tin về bà H3 nên không thể cung cấp cho Tòa án (bút lục số 35 – 37).

Ngày 04/5/2021, Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo về phiên đối chất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/5/2021 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/5/2021; ngày 05/5/2021, bị đơn bà H1 nhận được các thông báo trên và giấy triệu tập tham gia phiên đối chất, phiên hòa giải (bút lục số 41) nhưng bà H1 vắng mặt. Ngày 14/5/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cùng ngày Tòa án đã tổng đạt thông báo này cho bà H1 (bút lục số 48).

Ngày 17/5/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 24/5/2021, ngày 24/5/2021, bị đơn bà H1 nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, hợp đồng chuyển

nhượng đất giữa bà H1, ông S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông S (bút lục số 60).

Việc lấy lời khai, tổng đạt các văn bản tố tụng, xét xử vắng mặt bị đơn bà H1 của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp quy định của các Điều 98, 175, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Minh H3 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu bị đơn bà H1 cung cấp thông tin của người phụ nữ có tên Nguyễn Thị Minh H3 nhưng bà H1 có văn bản trả lời không cung cấp được thông tin cụ thể của người này. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu bị đơn bà H1 cung cấp địa chỉ cụ thể hiện nay của bà Nguyễn Thị Minh H3, nhưng bà H1 không cung cấp được. Theo kết quả xác minh số 06/XM-CA ngày 22/11/2021 của Công an phường M thì bà Nguyễn Thị Minh H3 từ năm 2015 cho đến nay bỏ địa phương đi không còn sinh sống tại khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bà H3 đi đâu và làm gì không rõ. Do đó, Tòa án không có cơ sở để triệu tập bà H3 theo trình bày của bị đơn bà H1.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà H1 có yêu cầu Tòa án yêu cầu nguyên đơn bà H1 giao nộp các giấy vay tiền với bà Nguyễn Thị Minh H3, lần thứ nhất số tiền 200.000.000 đồng và lần thứ hai số tiền 300.000.000 đồng. Nguyên đơn bà H1 xác định chỉ cho bị đơn bà H1 vay tiền không biết bà Nguyễn Thị Minh H3, các giấy vay tiền theo yêu cầu của bị đơn, nguyên đơn bà H1 không có để cung cấp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nợ gốc:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trả nợ gốc 320.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 15/7/2016 (ngày ông Nguyễn Văn S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H1 chuyển nhượng) tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/5/2021: $320.000.000 \text{ đồng} \times 58 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 139.200.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 459.200.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền ngày 06/01/2013, giấy cam kết ngày 05/7/2014. Bị đơn bà H1 thừa nhận có viết, ký tên giấy mượn tiền ngày 06/01/2013, giấy cam kết ngày 05/7/2014 nhưng tiền vay là bà Nguyễn Thị Minh H3 lấy, bà H1 chỉ là người đứng ra bảo lãnh cho bà H3, bà H3 đã bán nhà bỏ đi khỏi địa phương 06 – 07 năm nay, hiện nay bà H1 không biết bà H3 ở đâu, bà H1 đã trả cho bà Bích H 180.000.000 đồng nên không đồng ý trả số nợ trên, ngoài lời trình bày thì bị đơn không có chứng cứ chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận, nên trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà H1 còn nợ nguyên đơn bà H1 số tiền 320.000.000 đồng, buộc bị đơn bà H1 trả cho nguyên đơn bà H1 320.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi:

Theo “Giấy mượn tiền ngày 06/01/2013”, nguyên đơn bà H1 cho bị đơn bà H1 vay 500.000.000 đồng với thời hạn 02 tháng, không có thỏa thuận về lãi suất, bà H1 có thể chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 584163, số vào sổ H01704 ngày 24/4/2007 đứng tên bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H1. Đến ngày 05/7/2014, bị đơn bà H1 lập giấy cam kết xác nhận còn nợ nguyên đơn bà H1 320.000.000 đồng, nguyên đơn bà H1 giao lại cho bị đơn bà H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhượng, khi chuyển nhượng được đất bị đơn bà H1 sẽ trả bớt cho nguyên đơn bà H1 220.000.000 đồng, còn lại bao nhiêu sẽ trả dần. Như vậy, về thời hạn thanh toán nợ, ban đầu bị đơn bà H1 thỏa thuận trả số nợ 500.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng, sau này theo giấy cam kết thì số nợ còn lại 320.000.000 đồng, sẽ trả 220.000.000 đồng sau khi bán được đất, còn lại bao nhiêu sẽ trả dần, không có thỏa thuận cụ thể về thời hạn thanh toán nợ, ngày 15/7/2016, nguyên đơn bà H1 biết bị đơn bà H1 đã chuyển nhượng đất nhưng không yêu cầu bị đơn bà H1 thực hiện nghĩa vụ, mà đến ngày 29/10/2020 mới có đơn khởi kiện bị đơn bà H1, nên thời hạn để tính vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ được tính từ ngày nguyên đơn bà H1 có đơn khởi kiện bị đơn bà H1 tính từ ngày 29/10/2020 đến ngày xét xử phúc thẩm 21/12/2021 là 13 tháng 21 ngày, nguyên đơn bà H1 yêu cầu mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn bà H1 phải trả cho nguyên đơn bà H1 số tiền lãi: $320.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 21 \text{ ngày} \times 0,75\% = 32.880.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Từ những phân tích trên, cần sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi, kháng cáo của bị đơn bà H1 có căn cứ chấp nhận một phần; kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có căn cứ chấp nhận một phần.

[2.4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp một phần.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 357, 401, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-DS ngày 25/6/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương, như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 352.880.000 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 32.880.000 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1 về số tiền lãi là 106.320.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị H1 được miễn nộp án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1 không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã B;
- TAND thị xã B;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng

